

**BẢN SỐ: 09..**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
THANH TRA BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 163 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**MẬT**

**GIẢI MẬT**

Từ: 9h 15/01/2025

## **KẾT LUẬN THANH TRA**

**Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính;  
quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo,  
mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại  
Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt**

Thực hiện Quyết định số 198/QĐ-TTr ngày 30/9/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính; quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo, mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt, từ ngày 03/10/2024 đến ngày 11/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt.

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt và tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung thanh tra.

Đối với các dự án liên quan, Đoàn thanh tra kiểm tra trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, chứng từ có tính pháp lý do Chủ đầu tư cung cấp, kiểm tra thực tế tại công trình, đối chiếu hồ sơ, tài liệu hoàn công; không tiến hành đo đạc lại kích thước và kiểm tra thực tế phần ngầm đã chôn lấp; không khảo sát, đối chiếu giá trên thị trường đối với thiết bị, vật tư, vật liệu... đưa vào thực hiện dự án.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 15/11/2024 của Trường đoàn thanh tra và ý kiến giải trình tại Công văn số 350/BC-CĐDLĐL ngày 16/12/2024 của Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt.

Chánh Thanh tra Bộ kết luận như sau:

### **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

#### **1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn**

Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và trình độ thấp hơn trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực liên quan đến du lịch.

Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt (sau đây gọi tắt là Trường) có con dấu, có tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; có trụ sở tại thành phố Đà Lạt.

#### **2. Cơ cấu, tổ chức**

Theo Quyết định số 3479/QĐ-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt, Quyết định số 469/QĐ-BVHTTDL ngày 07/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng, khoa, tổ chức trực thuộc và sửa đổi quy định về cơ cấu tổ chức của Trường; Quyết định số 1874/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch về việc sắp xếp, tổ chức lại các khoa trực thuộc Trường, cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

- Hội đồng trường: Chưa thành lập (Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn chuyên môn khác giúp việc cho Hiệu trưởng);
- Lãnh đạo Trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- 03 phòng chức năng: Phòng Hành chính, Tổng hợp; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế;
- 02 Khoa: Khoa Quản trị Du lịch; Khoa Kiến thức cơ bản - Cơ sở ngành;
- 01 tổ chức trực thuộc: Trung tâm Dịch vụ và Đào tạo lái xe.

### **3. Số lượng viên chức, người lao động**

- Năm 2021: Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-BVHTTDL ngày 20/01/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2021: Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao là: 53 người, trong đó biên chế viên chức: 45 người; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 08 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2021: 43 người, trong đó biên chế viên chức: 38 người; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP): 05 người.

- Năm 2022: Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-BVHTTDL ngày 09/5/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022: Số lượng viên chức được giao là: 45 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2022: 43 người, trong đó biên chế viên chức: 38 người; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP): 05 người.

- Năm 2023: Căn cứ Quyết định số 1269/QĐ-BVHTTDL ngày 17/5/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023: Số lượng viên chức được giao là: 43 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2023: 41 người, trong đó biên chế viên chức: 35 người; hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 06 người.

2

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### 1. Công tác lập dự toán

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 2686/BVHTTDL-KHTC ngày 22/7/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng dự toán NSHCSN năm 2021 và 03 năm 2021-2023; Công văn số 2361/BVHTTDL-KHTC ngày 06/7/2021 về việc xây dựng dự toán NSHCSN năm 2022 và 03 năm 2022-2024; Công văn số 2303/BVHTTDL-KHTC ngày 30/6/2022 về việc xây dựng dự toán NSHCSN năm 2023 và 03 năm 2023-2025, Trường đã xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

Đối với dự toán thu, đơn vị căn cứ vào số thu thực hiện của năm liền kề trước năm lập dự toán, ước thực hiện của năm lập dự toán và những yếu tố tác động đến nguồn thu của năm lập dự toán để làm cơ sở xây dựng dự toán cho năm tiếp theo.

Cụ thể:

*Đơn vị tính: VN đồng*

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>7.400.000.000</b>	<b>7.400.000.000</b>	<b>7.215.000.000</b>
1	Chi lương	2.602.389.537	2.751.762.838	2.617.621.078
2	Chi phụ cấp theo lương	839.285.664	834.113.601	902.058.912
3	Chi phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	-		18.541.046
4	Chi công tác phí	179.147.000	478.251.300	524.032.700
5	Chi hội nghị, hội thảo			
6	Vật tư văn phòng		115.012.240	97.441.126
7	Chi thuê mướn	508.476.365	586.297.587	620.955.240
8	Thanh toán dịch vụ công cộng		52.400.000	16.000.000
9	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	142.885.707	87.620.853	70.576.174
10	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	205.178.850	142.988.630	250.119.231
11	Các khoản đóng góp	685.386.121	723.192.858	679.594.028
12	Chi đoàn ra, đoàn vào tiếp khách	33.360.000	112.025.980	139.814.796
13	Chi nghiệp vụ chuyên môn từng ngành			7.578.000

14	Cấp bù học phí theo NĐ số 81	190.000.000	57.702.000	-
15	Chi tiền điện, nước, tiền vệ sinh môi trường	104.265.568	313.531.385	272.547.956
16	Phụ cấp cấp ủy Đảng	16.092.000	16.092.000	16.092.000
17	Bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí khác	30.128.300	76.682.472	35.867.382
18	Chi khác	1.863.404.888	1.052.326.256	946.160.331
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>10.150.000.000</b>	<b>11.499.000.000</b>	<b>16.886.000.000</b>
1	Kinh phí cấp bù học phí theo NĐ 81	1.005.000.000	1.301.000.000	1.215.000.000
2	Kinh phí chế độ HSSV theo QĐ 53	465.000.000	998.000.000	1.121.000.000
3	Sửa chữa lớn cơ sở vật chất	8.680.000.000	9.200.000.000	14.550.000.000
<b>III</b>	<b>Dự toán thu</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
	Thu học phí, các dịch vụ khác theo quy định	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.550.000.000</b>	<b>19.899.000.000</b>	<b>25.101.000.000</b>

Trường thực hiện lập dự toán đảm bảo thời gian quy định, đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên cơ sở thuyết minh tình hình thực hiện và ước thực hiện của các năm trước.

## 2. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Quyết định số 2859/QĐ-BVHTTDL ngày 06/8/2018 và Quyết định số 3318/QĐ-BVHTTDL ngày 03/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập, Trường được phân loại đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (mức tự bảo đảm chi thường xuyên 7,1%).

Theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 04/QĐ-CĐDLĐL ngày 14/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, áp dụng từ ngày 14/01/2021 đến ngày 09/01/2022. Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 02/QĐ-CĐDLĐL ngày 10/01/2022 về việc ban hành Quy chế CTNB năm 2022, áp dụng từ ngày 10/01/2022 đến ngày 06/01/2023; Quyết định số 01/QĐ-CĐDLĐL ngày 07/01/2023 về việc ban hành Quy chế CTNB năm 2023, áp dụng từ ngày 07/01/2023 đến ngày 03/04/2024.

### 2.1. Về trình tự, thủ tục

Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo các căn cứ pháp lý hiện hành, một số nội dung theo đặc thù, tình hình thực tế của Trường. Về cơ bản theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện dân chủ, công khai, có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ và thông qua hội nghị cán bộ viên chức về định mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc trong phạm vi nguồn tài chính của Trường. Sau khi thống nhất Quy chế chi tiêu nội bộ, Trường báo cáo cơ quan cấp trên và gửi KBNN Lâm Đồng làm cơ sở phối hợp kiểm soát chi.

### 2.2. Về nội dung

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đã quy định các chế độ, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đảm bảo hoạt động thường xuyên, các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ của Trường.

Trường đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo kiến nghị tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021, năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch.

### 2.3. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Trường thực hiện trong năm 2021, 2022, 2023 về cơ bản theo nội dung, đối tượng, định mức đã quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

### 3. Nguồn thu

Nguồn thu của Trường gồm: NSNN, các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ.

Cụ thể:

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Số dư kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>247.702.000</b>	<b>57.702.000</b>	<b>-</b>
1	Ngân sách nhà nước	247.702.000	57.702.000	-
1.1	Kinh phí thường xuyên	247.702.000	57.702.000	-
1.2	Kinh phí không thường xuyên	-	-	-
1.3	Kinh phí đề tài khoa học	-	-	-
1	Các nguồn thu khác	-	-	-
2.1	Thu sự nghiệp, dịch vụ			
2.2	Thu khác			
<b>II</b>	<b>Dự toán giao trong năm (ngân sách)</b>	<b>9.563.000.000</b>	<b>9.513.000.000</b>	<b>18.943.000.000</b>
1	Kinh phí thường xuyên	7.400.000.000	7.215.000.000	7.107.000.000

2	Kinh phí không thường xuyên	2.163.000.000	2.298.000.000	11.836.000.000
3	Kinh phí đề tài khoa học	-	-	-
<b>III</b>	<b>Kinh phí được sử dụng trong năm</b>	<b>9.810.702.000</b>	<b>9.570.702.000</b>	<b>18.943.000.000</b>
1	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	9.810.702.000	9.570.702.000	18.943.000.000
1.1	Kinh phí thường xuyên	7.647.702.000	7.272.702.000	7.107.000.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên	2.163.000.000	2.298.000.000	11.836.000.000
1.3	Kinh phí đề tài khoa học			
2	Các nguồn thu khác			
2.1	Thu dịch vụ			
<b>IV</b>	<b>Kinh phí thực hiện trong năm</b>	<b>8.281.532.000</b>	<b>8.247.219.200</b>	<b>17.752.847.592</b>
1	Nguồn NSNN cấp	8.281.532.000	8.247.219.200	17.752.847.592
1.1	Kinh phí thường xuyên	7.539.500.000	7.272.702.000	7.107.000.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên	742.032.000	974.517.200	10.645.847.592
1.3	Kinh phí đề tài khoa học			
2	Nguồn thu khác			

Ngoài nguồn NSNN nước cấp, các khoản thu sự nghiệp, dịch vụ của Trường gồm: Thu học phí, lệ phí; thu kinh doanh, cung ứng dịch vụ; các nguồn thu khác.

- Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.
- Thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân.
- Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Trong 3 năm 2021-2022-2023, nguồn thu học phí và thu dịch vụ khác của Trường cụ thể như sau:

- + Năm 2021: 1.234.182.000 đồng.
- + Năm 2022: 1.608.657.000 đồng.
- + Năm 2023: 1.557.914.000 đồng.

Việc thu các khoản này có hợp đồng, thanh lý hợp đồng, phiếu thu, hoá đơn. Về cơ bản, Trường thu và quản lý nguồn thu học phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

#### 4. Hoạt động chi

Các khoản chi bao gồm: tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp; học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, cán bộ đi học; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp; các khoản thanh toán khác cho cá nhân; thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi phí hội nghị, hội thảo, công tác phí; chi phí thuê mướn; chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng; mua sắm tài sản công; nghiệp vụ chuyên môn; chi phí khác; trích lập các quỹ theo quy định,...

Cụ thể:

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>9.515.714.000</b>	<b>9.855.856.200</b>	<b>19.310.829.506</b>
<b>II</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>7.539.500.000</b>	<b>7.272.702.000</b>	<b>7.107.000.000</b>
1	Chi lương	2.602.389.537	2.624.464.838	2.509.621.078
2	Chi phụ cấp theo lương	839.285.664	834.113.601	902.058.912
3	Chi phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	-		18.541.046
4	Chi công tác phí	179.147.000	478.251.300	524.032.700
5	Chi hội nghị, hội thảo			
6	Vật tư văn phòng		115.012.240	97.441.126
7	Chi thuê mướn	508.476.365	586.297.587	620.955.240
8	Thanh toán dịch vụ công cộng		52.400.000	16.000.000
9	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	142.885.707	87.620.853	70.576.174
10	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	205.178.850	142.988.630	250.119.231
11	Các khoản đóng góp	685.386.121	723.192.858	679.594.028
12	Chi đoàn ra, đoàn vào tiếp khách	33.360.000	112.025.980	139.814.796
13	Chi nghiệp vụ chuyên môn từng ngành			7.578.000
14	Cấp bù học phí theo NĐ số 81/2021/NĐ-CP	190.000.000	57.702.000	-
15	Chi tiền điện, nước, tiền vệ sinh môi trường	104.265.568	313.531.385	272.547.956

16	Phụ cấp cấp ủy Đảng	16.092.000	16.092.000	16.092.000
17	Bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí khác	30.128.300	76.682.472	35.867.382
18	Chi khác	27.668.000	35.196.000	55.940.113
19	Chi thu nhập tăng thêm	759.900.000	657.780.400	0
20	Trích lập các quỹ	1.215.336.888	359.349.856	890.220.218
<b>III</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên/không giao tự chủ</b>	<b>742.032.000</b>	<b>974.517.200</b>	<b>10.645.847.592</b>
1	Kinh phí không thường xuyên	742.032.000	974.517.200	1.159.394.000
2	Hỗ trợ HSSV theo QĐ số 53	155.400.000	478.517.200	465.794.000
3	Cấp bù học phí theo NĐ số 81	586.632.000	496.000.000	693.600.000
4	Kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học	-	-	986.453.592
5	Xây dựng chương trình giảng dạy theo tiêu chuẩn ASEAN	-	-	986.453.592
6	Sửa chữa chống thấm, dột các khối nhà	-	-	8.500.000.000
<b>IV</b>	<b>Dự toán thu</b>	<b>1.234.182.000</b>	<b>1.608.637.000</b>	<b>1.557.981.914</b>
	Thu học phí, các dịch vụ khác theo quy định	1.234.182.000	1.608.637.000	1.557.981.914

#### 4.1. Đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí NSNN.

##### 4.1.1. Nguồn kinh phí thường xuyên

Các khoản chi chủ yếu là lương, phụ cấp theo lương của công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68, tiền lương tăng thêm, tiền công, học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, đào tạo bồi dưỡng viên chức, tiền thưởng, các khoản đóng góp, dịch vụ công cộng, làm thêm giờ, chi thuê mướn, công tác phí, chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi mua vật tư, văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi mua sắm, điện, nước, sửa chữa, thuê mướn, phúc lợi tập thể... Về cơ bản, các nội dung chi của Trường đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ, định mức của nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ.

Hàng năm tiết kiệm từ kinh phí chi thường xuyên, đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động tiền tăng thêm từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng/1 người/tháng/01 lần trong năm.

Một số tồn tại:





- Chi 25% cho khối hành chính chưa đầy đủ căn cứ để chi. Theo Báo cáo giải trình của Trường, việc chi 25% cho cán bộ quản lý hành chính và viên chức khối văn phòng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

- Chi tiếp khách chưa có đối tượng cụ thể, lấy tổng giá trị hóa đơn thanh toán chia cho số người tham dự là chưa đúng quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính. Theo Báo cáo giải trình của Trường, việc chi tiếp khách thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, tại Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 không quy định mức chi cụ thể theo quy định.

- Việc thực hiện kiến nghị về xét duyệt quyết toán tài chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Năm 2021: Xuất toán 3.800.000 đồng thu hồi nộp NSNN khoản kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP do chi vượt kinh phí được giao của nguồn thường xuyên (Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 ngày 30/5/2022);

+ Năm 2022: Xuất toán 57.702.000 đồng thu hồi nộp NSNN do đơn vị chi sai đối tượng hưởng khoản kinh phí dùng để thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị đã chi trả miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 12/6/2023).

*4.1.2. Nguồn kinh phí không thường xuyên, kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*

Theo báo cáo của Trường, kinh phí quyết toán từ nguồn chi không thường xuyên/chi thường xuyên không giao tự chủ của đơn vị các năm 2021 đến 2023 là 12.362.396.792 đồng (năm 2021: 742.032.000 đồng; năm 2022: 974.517.200 đồng; năm 2023: 10.645.847.592 đồng). Trường thực hiện các nhiệm vụ: Hỗ trợ học sinh sinh viên theo Quyết định số 53//2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Cấp bù học phí theo Nghị định số 81//2021/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học; Xây dựng chương trình giảng dạy theo tiêu chuẩn ASEAN; Sửa chữa chống thấm, chống dột các khối nhà A2, A6, A8.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt chủ trương “Sửa chữa chống thấm mái khối nhà A2, A6, A8” của Trường<sup>1</sup> vào tháng 12/2022, làm cơ sở để Trường triển khai thực hiện các hồ sơ liên quan theo quy định.

Đối với các gói thầu tư vấn, Trường chỉ định thầu rút gọn, ký hợp đồng tư vấn với các nhà thầu: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng & công nghệ ACM thực hiện tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty CP kiến trúc và tư vấn xây dựng Việt Nam thực hiện tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty TNHH xây dựng Nhà Xanh thực hiện tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng & Công nghệ ACM thực hiện tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định xây dựng Việt Nam thực hiện tư vấn giám sát công trình; Công ty cổ phần

<sup>1</sup> Quyết định số 3756/QĐ-BVHTTDL ngày 29/12/2022.

tư vấn kiến trúc xây dựng và thương mại Kim Long thực hiện tư vấn quản lý dự án; Công ty bảo hiểm PJICO Lâm Đồng thực hiện bảo hiểm công trình; Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Tân Việt thực hiện tư vấn kiểm toán dự án. Các hợp đồng tư vấn là hợp đồng trọn gói.

Tháng 6/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình<sup>2</sup>, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu<sup>3</sup> vào tháng 7/2023. Theo Quyết định số 1493/QĐ-BVHTTDL ngày 09/6/2023, mục tiêu sửa chữa, chống thấm mái khối nhà A2, A6, A8 của Trường, đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên và phục vụ hoạt động đào tạo của Trường.

Nội dung thực hiện cơ bản:

- Nhà A2, A6:

+ Phá dỡ lớp vữa trát chân tường ngoài nhà bị ẩm mốc, vệ sinh, trát, chống thấm chân tường, cạo bỏ lớp sơn tường cũ ngoài nhà, bả trám vá, sơn lại toàn bộ tường ngoài nhà 3 nước. Cạo bỏ lớp sơn cũ tường, cột, dầm, trần khu hành lang, khu cầu thang trong nhà, bả trám vá, sơn lại 3 nước. Sửa chữa, hàn gia cố lan can hành lang, lan can cầu thang, cạo bỏ sơn cũ, sơn lại 3 nước. Lắp đặt vách nhôm hệ 55 kính trắng an toàn 8,38mm tại vị trí hành lang các tầng 2; 3, áp mái. Trám vá bậc cầu thang mài granito. Tháo dỡ toàn bộ tấm lợp mái bị bong tróc thấm dột, tháo máng tôn thu nước và hệ thống ống thu nước D110, diềm mái tấm Aluminum đã xuống cấp, cạo bỏ lớp sơn cũ, hàn gia cố hệ vì kèo, xà gồ hiện trạng, sơn lại vì kèo, xà gồ hiện trạng ba nước; Lợp mới toàn bộ mái bằng tôn giả ngói dày 0,45mm màu xanh, thay mới: máng tôn thu nước dày 0,8mm, hệ thống ống thu nước mưa PVC D140mm, diềm mái bằng tấm Aluminum. Làm trần thạch cao khung xương chìm tầng áp mái theo hiện trạng, bả, sơn trần thạch cao 3 nước. Thay thế đèn chiếu sáng mới theo vị trí hiện trạng, đèn trong phòng loại led panel 1200x300 mm, 40W, đèn hành lang loại led panel D250 18W.

+ Nhà A6: Thực hiện thêm công tác cạo bỏ sơn cũ, bả trám vá, sơn lại toàn bộ tường trần trong phòng, lắp đặt rãnh thu nước trong phòng, đặt ghi nắp rãnh bằng inox, đấu nối với hệ thoát nước sàn hiện trạng.

- Nhà A8:

+ Tháo dỡ tấm lợp cũ trên mái, tháo dỡ lớp lót chống thấm cách nhiệt, tháo dỡ lớp ván gỗ tự nhiên dày 20mm. Hàn gia cố xà gồ thép, sơn lại xà gồ, vì kèo ba nước; tháo dỡ, thay thế một số cầu phong gỗ mục gãy; tháo dỡ, thay thế một số ván gỗ tự nhiên dày 20mm bị mục gãy; sửa chữa gia cố lại toàn bộ ván gỗ liên kết với cầu phong. Lợp tấm cách nhiệt theo hiện trạng, lắp đặt tấm inox 304 dày 0.5mm phủ toàn bộ mái, hàn kín các mối nối. Bỏ sung 1 lớp li tô thép hộp 30x30x1,4mm cách đều 600, kết hợp chèn bọt biển chống nóng. Bỏ sung 1 lớp tôn dày 1mm cho toàn bộ mái liên kết vào hệ li tô thép hộp. Lợp mới tấm lợp Bitumen Roofingles (hoặc tương đương) trên mái. Thay mới diềm mái bằng tôn 0,8mm màu xanh.

<sup>2</sup> Quyết định số 1493/QĐ-BVHTTDL ngày 09/6/2023.

<sup>3</sup> Quyết định số 1765/QĐ-BVHTTDL ngày 07/7/2023.

+ Cạo bỏ và vệ sinh lớp sơn cũ cột, dầm, trần, tường bên trong nhà, bả trám và sơn lại 1 nước lót 2 nước phủ. Cạo bỏ lớp sơn cũ, hàn gia cố, sơn lại lan can ba nước màu xanh. Trám vá, vệ sinh toàn bộ bậc thang. Làm mới trần thạch cao khung xương chìm khu vệ sinh, kho tầng hầm, sơn bả trần; tháo dỡ và lắp đặt hệ trần thạch cao chịu nước, sơn bả trần tại khu vệ sinh, phòng trực (2-3) tầng 1. Thay thế vách kính tầng 1 bằng vách nhôm kính hệ 55, kính trắng an toàn 8,38mm. Tháo, thay thế đèn chiếu sáng theo thiết kế.

Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; hình thức quản lý dự án: thuê tư vấn quản lý dự án; thời gian thực hiện 2023-2024.

Tổng mức đầu tư (làm tròn) 9.872.601.000 đồng.

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	8.742.944.572 đồng.
Chi phí quản lý dự án:	301.281.870 đồng.
Chi phí tư vấn đầu tư:	739.128.534 đồng.
Chi phí khác:	89.245.860 đồng.

Trường cung cấp 03 báo giá của 03 công ty có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, được sử dụng để xây dựng giá vật liệu trong dự toán, các báo giá được lập vào thời điểm tháng 4/2023 (thời điểm xây dựng dự toán), số lượng chủng loại vật liệu được báo giá là tương đối đầy đủ so với vật liệu chưa có trong thông báo giá của tỉnh Lâm Đồng. Thanh tra Bộ không tiến hành đối chiếu giá vật liệu trên thị trường đối với giá vật liệu được báo giá.

Theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, tổng số có 09 gói thầu, tổng giá trị các gói thầu là 9.855.258.000 đồng, giá gói thầu "Sửa chữa chống thấm mái khối nhà A2, A6, A8" được phê duyệt là 8.742.944.572 đồng. Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về giảm thuế giá trị gia tăng, Trường ban hành Quyết định số 116/QĐ-CĐDLĐL ngày 27/7/2023 phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu, giá trị gói thầu sau điều chỉnh là 8.583.981.943 đồng. Trường ban hành Quyết định số 104/QĐ-CĐDLĐL ngày 20/7/2023 phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp, thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngày 21/7/2023, số thông báo IB2300167272. Theo Biên bản mở thầu, thời điểm đóng thầu 9 giờ 00' ngày 01/8/2023, có 03 nhà thầu nộp hồ sơ tham gia đấu thầu (Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Nhà Phát Lâm Đồng, Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Phú Mỹ, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thành Tâm An).

Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, nhà thầu tư vấn Công ty TNHH xây dựng Nhà Xanh có văn bản số 01/LR-HSĐT ngày 04/8/2023 để làm rõ hồ sơ dự thầu. Ngày 07/8/2023, Chủ đầu tư ban hành văn bản số 225/CV-CĐDLĐL yêu cầu cả 03 nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu của mình, 03 nhà thầu đã có văn bản gửi Chủ đầu tư về việc làm rõ hồ sơ dự thầu. Căn cứ Báo cáo số 63/2023/BCĐG-HSĐT ngày 16/8/2023 của nhà thầu tư vấn Công ty TNHH xây dựng Nhà Xanh về báo cáo đánh giá E-HSĐT, kết quả thương thảo hợp đồng ngày 17/8/2023, Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 70/2023/BCTĐ-KQLCNT ngày 21/8/2023 của nhà thầu tư vấn Công ty CP đầu tư Xây dựng & Công nghệ ACM,

Chủ đầu tư ban hành Quyết định 132/QĐ-CĐDLĐL ngày 21/8/2023 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đăng tải kết quả trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cùng ngày. Nhà thầu trúng thầu: Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Phú Mỹ; mã chứng chỉ hoạt động xây dựng HAN-00012074; địa chỉ: Xóm 5, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, Hà Nội; giá trúng thầu: 8.554.627.000 đồng (giảm giá -29.354.943 đồng, tương ứng 0,34% giá gói thầu); Nhà thầu không đề xuất khối lượng ngoài phạm vi yêu cầu để hoàn thành thiết kế.

Ngày 23/8/2023, Chủ đầu tư nhận được Đơn kiến nghị ghi ngày 21/8/2023 của nhà thầu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thành Tâm An về kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư đã gửi văn bản số 266/CV-CĐDLĐL ngày 30/8/2023 kèm theo Công văn số 38/TLKN-NX ngày 30/8/2023 của nhà thầu tư vấn để trả lời Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thành Tâm An, nhà thầu không tiếp tục kiến nghị đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chủ đầu tư và nhà thầu Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Phú Mỹ ký Hợp đồng xây lắp số 16/2023/CĐDLĐL -PM ngày 23/8/2023, giá hợp đồng 8.554.627.000 đồng (thuế VAT 8%); hình thức hợp đồng: trọn gói; thời gian thực hiện: 200 ngày. Ngày 23/8/2023, nhà thầu thành lập Ban chỉ huy công trình, các bên liên quan thực hiện bàn giao mặt bằng ngày 25/8/2023.

Gói thầu đã hoàn thành, hồ sơ quyết toán cơ bản đầy đủ theo quy định. Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 26/02/2024. Chủ đầu tư, nhà thầu đã ký quyết toán A-B, giá trị quyết toán bằng giá hợp đồng là 8.554.627.000 đồng. Theo báo cáo của Chủ đầu tư, đã thanh toán cho nhà thầu 7.699.164.300 đồng, còn phải thanh toán 855.462.700 đồng.

Đến thời điểm thanh tra, Trường đã thanh toán cho các nhà thầu tổng cộng 8.500.000.000 đồng. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Tân Việt thực hiện kiểm toán dự án, lập Báo cáo kiểm toán số 0107.01/2024/TV-BCXD ngày 01/07/2024, tổng chi phí đầu tư sau kiểm toán là 9.664.218.851 đồng.

\* Một số tồn tại trong quá trình thực hiện dự án:

- Phương án cải tạo: thiết kế chống thấm tường trong nhà bằng vật liệu flinkote đối với cả các diện tích tường không tiếp xúc trực tiếp với nguồn nước gây thấm (Nhà A2, tầng 1: trục 3, 4, 8, 10).

- Chủ đầu tư ký hợp đồng với Nhà thầu sau 02 ngày kể từ khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là chưa đảm bảo thời gian để giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo quy định tại Điều 92 Luật Đấu thầu 2013.

- Khối lượng nhà thầu thực hiện cơ bản phù hợp với khối lượng theo hợp đồng. Một số khối lượng ngoài hợp đồng như: ốp gạch chân tường hành lang các tầng nhà A2, A6 và cải tạo phòng trục 10-12 tầng hầm nhà A2 không được các bên thực hiện thủ tục phát sinh công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký nên không được thanh toán, quyết toán.

- Dự toán thiết kế không chỉ dẫn địa điểm đổ phế thải để phù hợp cự ly tính trong dự toán công trình.

#### 4.1.3. Dự án xây dựng và hoàn thiện cảnh quan Trường

Năm 2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt chủ trương đầu tư dự án<sup>4</sup>, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư<sup>5</sup> (phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư, giao Chủ đầu tư là Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt). Năm 2022, Trường thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện 03 gói thầu tư vấn phục vụ công tác lập dự án gồm: tư vấn khảo sát địa hình; tư vấn khảo sát địa chất; tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, các gói thầu được Trường chỉ định thầu rút gọn, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Minh là đơn vị thực hiện. Dự án được Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng thẩm định<sup>6</sup> và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt<sup>7</sup> vào tháng 8/2022.

Mục tiêu đầu tư: xây dựng và hoàn thiện cảnh quan Trường, phục vụ nhu cầu thực tập, thực tế của học sinh, sinh viên nghề Quản trị lễ hành - Hướng dẫn du lịch, nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành du lịch của Trường. Tổng mức đầu tư: 20 tỷ đồng (đã bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng 3,88 tỷ); nguồn vốn từ NSNN; Chủ đầu tư thuê tư vấn QLDA, thời gian thực hiện: 2022-2024.

Nội dung thực hiện: nạo vét lòng hồ, xây tường đá kè hồ điều hòa, lát gạch đĩnh kè rộng 0,8m, lấp đặt lan can sắt bảo vệ quanh hồ, ốp gạch block 8 lỗ mái taluy ven hồ; đổ bê tông lót và lát đá chẻ đường nội bộ bao quanh hồ; xây tường kè chống sạt taluy, ốp gạch block 8 lỗ mái taluy kè chắn đất, chống sạt, xây mương thoát nước kè chắn đất bằng đá chẻ, dạng rãnh hở, xây hố ga thu nước; xây dựng công trình thoát nước hồ điều hòa bằng BTCT; lắp đặt cầu thép theo thiết kế; xây dựng 01 nhà học lý thuyết và 02 nhà nghỉ chân; trồng cây xanh, trồng cỏ mái taluy và hành lang bảo vệ ven hồ; lắp đặt cột đèn chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời; lắp đặt hàng rào bằng lưới thép theo ranh giới.

Thực hiện quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thiết kế<sup>8</sup>, Trường chỉ định thầu rút gọn: tư vấn lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất với Công ty TNHH Hà Phát Thịnh, tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu với Công ty TNHH Hưng Dũng Lâm Đồng để lựa chọn tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra thiết kế của dự án. Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất nhà thầu tư vấn, Trường chỉ định thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán chi tiết đối với Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Minh, chỉ định thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết đối với Công ty TNHH Kiến trúc Lâm Đồng.

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Minh lập tháng 10/2022, được Công ty TNHH Kiến trúc Lâm Đồng thẩm tra, Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng thẩm định (Công văn số 168/SXD-HTKT ngày 11/11/2022). Ngày 11/11/2022, Trường ban hành Quyết định số 167/QĐ-CĐDLĐL phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cụ thể:

Tổng dự toán: 20.000.000.000 đồng.

Trong đó:

<sup>4</sup> Quyết định số 1710/QĐ - BVHTTDL ngày 25/5/2021

<sup>5</sup> Quyết định số 2516/QĐ - BVHTTDL ngày 24/9/2021

<sup>6</sup> Công văn số 104/SXD-HTKT ngày 27/7/2022

<sup>7</sup> Quyết định số 1994/QĐ - BVHTTDL ngày 23/08/2022

<sup>8</sup> Quyết định số 2196/QĐ - BVHTTDL ngày 12/9/2022

Chi phí xây dựng:	13.888.426.827 đồng.
Chi đền bù giải phóng mặt bằng:	3.882.418.000 đồng.
Chi phí quản lý dự án:	423.905.650 đồng.
Chi phí tư vấn đầu tư:	1.091.554.348 đồng.
Chi phí khác:	284.113.687 đồng.
Chi phí dự phòng:	429.581.488 đồng.

Ngày 18/11/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án xây dựng và hoàn thiện cảnh quan Trường<sup>9</sup>, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia theo quy định (số đăng tải PL2200055452). Thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Trường tổ chức chỉ định thầu rút gọn, ký hợp đồng với các nhà thầu tư vấn gồm: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long Phát thực hiện tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A.S.T Tây Nguyên thực hiện tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu thi công; Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long Phát thực hiện tiếp tục gói thầu Tư vấn QLDA (Hợp đồng ngày 23/11/2022), TVGS thi công (Hợp đồng ngày 08/12/2022).

Trường phê duyệt Hồ sơ mời thầu<sup>10</sup>, đăng tải thông báo mời thầu rộng rãi gói thầu “Xây dựng và hoàn thiện cảnh quan Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt” trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, số thông báo mời thầu IB2200061349 ngày 25/11/2022, giá gói thầu: 14.166.195.000 đồng, hình thức hợp đồng: trọn gói. Tại thời điểm mở thầu, chỉ có 01 Liên danh nhà thầu (Liên danh PT-Thanh Thanh Xuân) tham gia dự thầu. Căn cứ kết quả đánh giá của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long Phát, kết quả thẩm định của Công ty CP Tư vấn Xây dựng A.S.T Tây Nguyên, Trường ban hành Quyết định số 181/QĐ-CĐDLĐL ngày 08/12/2022 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây lắp, nhà thầu trúng thầu: Liên danh PT-Thanh Thanh Xuân (Liên danh nhà thầu Công ty TNHH đầu tư xây dựng PT và Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Thanh Thanh Xuân); giá trúng thầu: 13.850.975.899 đồng (giảm -315.219.101 đồng, tương ứng 2,225% giá gói thầu). Nhà thầu không đề xuất khối lượng ngoài phạm vi yêu cầu.

Trường và Liên danh nhà thầu PT-Thanh Thanh Xuân ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 73/HĐKT-CĐDLĐL ngày 08/12/2022, giá trị hợp đồng 13.850.975.899 đồng (trong đó: phần công việc của nhà thầu Công ty TNHH đầu tư xây dựng PT là 4.151.428.389 đồng, phần công việc của Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Thanh Thanh Xuân là 9.699.547.510 đồng); hình thức hợp đồng: trọn gói; thời gian thực hiện: 360 ngày. Các bên liên quan tổ chức bàn giao mặt bằng ngày 08/12/2022.

Trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư có điều chỉnh về khối lượng thực hiện và điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng. Căn cứ hồ sơ kèm theo tờ trình của Tư vấn QLDA, Trường và Liên danh nhà thầu ký các phụ lục hợp đồng:

<sup>9</sup> Quyết định số 3010/QĐ- BVHTTDL ngày 18/11/2022

<sup>10</sup> Quyết định số 173/QĐ-CĐDLĐL ngày 25/11/2022

- Phụ lục hợp đồng số 01-73/HĐKT-PLHĐ ngày 30/12/2022 điều chỉnh bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng, giá trị bổ sung tăng 300.819.706 đồng, giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 14.151.795.605 đồng; lý do: bổ sung khối lượng đóng cọc tràm gia cố móng tường chắn kè hồ điều hòa (tường chắn số 4), bổ sung khối lượng ống nhựa PVC D200 thoát nước.

- Phụ lục hợp đồng số 02-73/HĐKT-PLHĐ ngày 24/7/2023 điều chỉnh giảm phần khối lượng không thực hiện so với hợp đồng, giá trị điều chỉnh giảm: 1.648.235.837 đồng, giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 12.503.559.770 đồng (khối lượng giảm: không thi công 21 trụ hàng rào do thực tế địa hình dốc, diện tích sân bê tông theo thực tế và khối lượng bậc cấp nhà nghỉ chân giảm theo địa hình thực tế, giảm chiều dài tường kè để không lấn vào diện tích đường, giảm khối lượng ốp mái tứ nón mô cầu).

- Phụ lục hợp đồng số 03-73/PLHĐ/HĐKT-PLHĐ ngày 29/11/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng (06 tháng, đến hết ngày 30/6/2024) để hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án.

Đối với việc bổ sung cọc cừ tràm gia cố móng tường chắn kè điều hòa (tường chắn số 4), việc gia cố móng liên quan đến giải pháp kết cấu, thuộc trường hợp phải trình thẩm định bổ sung. Tư vấn quản lý dự án (Công ty TNHH TVXD Hưng Long Phát) đề nghị Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán điều chỉnh, bổ sung gói thầu khi hồ sơ thiết kế chưa được Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng thẩm định lại là chưa đúng theo quy định khoản 1 Điều 39 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Công trình đã hoàn thành, ngày 06/8/2024 các bên tham gia cùng đại diện Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, lập biên bản kiểm tra, trong đó có yêu cầu hoàn thiện 05 tồn tại (hoàn thiện lại các báo cáo của tư vấn quản lý dự án, báo cáo giám sát trường, giám sát tác giả theo quy định; hoàn thiện bản vẽ hoàn công; vệ sinh mương thoát nước và hố ga toàn tuyến; vệ sinh và có phương pháp bảo vệ lòng hồ; bổ sung linh kiện đèn chiếu sáng bị mất, hỏng) trước khi ban hành thông báo kết quả kiểm tra.

Đến thời điểm thanh tra, Trường và các đơn vị liên quan chưa thực hiện xong yêu cầu tại Biên bản kiểm tra ngày 06/8/2024, chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của Sở Xây dựng, công trình chưa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, các bên chưa lập quyết toán A-B.

Hồ sơ thanh toán chia thành 05 đợt, lũy kế khối lượng thanh toán lần 5 là 12.503.559.770 đồng, tổng số tiền đã thanh toán cho nhà thầu là 11.765.667.726 đồng, tương ứng (số còn phải thanh toán theo Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng là: 737.892.044 đồng).

\* Một số tồn tại trong quá trình thực hiện dự án:

- Đối với hồ sơ thiết kế:

+ Phương án thiết kế chưa có giải pháp bảo vệ lòng hồ (lòng hồ hiện đã bị bồi bồi lắng nhiều, bồi lắng chỉ còn cách mặt nước từ 50-70 cm).

+ Hồ sơ thiết kế chưa chỉ dẫn được sự cần thiết để thực hiện xây móng bằng đá chẻ thay cho đá học, làm tăng dự toán (tường chắn hồ, móng tường kè, móng nhà học lý thuyết và nhà nghỉ chân).

+ Bản vẽ thiết kế còn thiếu sót: bản vẽ SĐ02/02 không có kích thước chiều dày đường nội bộ xếp đá khan chít mạch vữa xi măng, như vậy thiếu cơ sở để tính toán khối lượng này.

+ Không thống nhất giữa bản vẽ và dự toán: tại bản vẽ SĐ 02/02, công tác lát đá chẻ thiết kế mác vữa XM mác 75 là không thống nhất với mác M100 trong dự toán, mặt cắt sân và đường bê tông thiết kế mác bê tông M150 không thống nhất với M200 trong dự toán.

+ Hệ thống chiếu sáng bằng đèn năng lượng mặt trời gồm: 16 đèn cao 6m, cần đèn đơn d60, công suất 100w; 15 đèn trang trí sân vườn, cao 3,7m, chùm đèn đôi 2x20w. Dự toán thiết kế lập đơn giá (tạm tính) cho cả hệ thống đèn chiếu sáng ngoài trời, không kèm theo căn cứ xác định đơn giá.

- Bản vẽ bình đồ trong hồ sơ mời thầu đã đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được chụp cầu thả, chưa đảm bảo yêu cầu phát hành.

- Hồ sơ thiết kế phải điều chỉnh gia cố móng kè (tổng 218,3 md), như vậy công tác khảo sát địa chất, khảo sát địa hình còn chưa thực hiện tốt.

- Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán điều chỉnh, bổ sung phần khối lượng đóng cọc cừ gia cố móng khi chưa được Sở Xây dựng thẩm định là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính.

- Hồ sơ hoàn công cần thiết phải bổ sung, hoàn thiện để đảm bảo yêu cầu (bổ sung, điều chỉnh các thông số do hồ sơ thiết kế thiếu sót và chưa thống nhất như đã nêu ở trên; điều chỉnh thông số các cự ly lẻ phù hợp với thực tế, đảm bảo phù hợp tổng chiều dài theo tuyến đôi với: đường quanh hồ, kè hồ số 4, mặt bằng hàng rào; bổ sung hoàn công phần diện tích lát gạch lỗ trồng cỏ; điều chỉnh thông số kích thước các sân bê tông theo thực tế...).

- Công trình chưa bàn giao đưa vào sử dụng, ngoài các nội dung theo Biên bản kiểm tra ngày 06/8/2024 (giữa các bên cùng đại diện Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình) còn một số tồn tại: cỏ lá gừng trồng tại mái taluy và phần diện tích trồng cây quanh hồ đã bị cỏ dại lấn át. Chiều cao một số cây trồng (tùng búp và mai anh đào) chưa đảm bảo yêu cầu 3m.

#### 4.2. Nguồn kinh phí từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ

Các khoản chi chủ yếu là chi phí trực tiếp cho hoạt động dịch vụ (tiền công lao động hợp đồng khoán việc, tiền thông tin liên lạc, chi vật tư văn phòng phẩm, chi hoạt động đào tạo ngắn hạn, liên kết và một số khoản chi khác). Các khoản chi từ nguồn kinh phí này được chi theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

#### 5. Việc trích lập, sử dụng các Quỹ và kinh phí cải cách tiền lương

Năm 2021, Trường trích lập 04 Quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi. Năm 2022 và năm 2023, Trường có 05 Quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Nguồn cải cách tiền lương. Năm 2021 và năm 2022, Trường không sử dụng Nguồn cải cách tiền lương, số dư chuyển sang năm sau. Năm 2022, Trường không thực hiện trích lập Nguồn cải cách tiền lương.

Cụ thể:

✓



Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Số dư năm trước chuyển sang</b>	<b>5.727.845.480</b>	<b>6.481.619.883</b>	<b>6.860.106.097</b>
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	3.557.014.661	4.019.670.873	4.172.659.084
2	Quỹ bổ sung thu nhập	724.172.942	698.766.489	996.683.740
3	Quỹ khen thưởng	319.558.823	302.608.523	204.051.023
4	Quỹ phúc lợi	1.127.099.054	1.045.625.842	1.071.764.094
5	Nguồn cải cách tiền lương	0	414.948.156	414.948.156
<b>II</b>	<b>Số trích lập trong năm</b>	<b>1.631.327.353</b>	<b>1.257.627.108</b>	<b>1.790.359.738</b>
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	494.863.309	152.000.000	164.022.000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	400.000.000	657.780.400	776.469.000
3	Quỹ khen thưởng	15.000.000	7.349.856	5.000.000
4	Quỹ phúc lợi	306.515.888	440.496.852	632.860.763
5	Nguồn cải cách tiền lương	414.948.156	0	212.007.975
<b>III</b>	<b>Số sử dụng trong năm</b>	<b>877.553.096</b>	<b>906.140.894</b>	<b>2.177.604.145</b>
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	32.207.243	0	743.281.374
2	Quỹ bổ sung thu nhập	425.406.453	385.874.938	627.402.651
3	Quỹ khen thưởng	31.950.300	105.907.356	28.640.000
4	Quỹ phúc lợi	387.989.100	414.358.600	361.624.798
5	Nguồn cải cách tiền lương	0	0	416.655.322
<b>IV</b>	<b>Số dư chuyển năm sau sử dụng</b>	<b>6.481.619.737</b>	<b>6.860.106.097</b>	<b>6.472.861.690</b>
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	4.019.670.727	4.172.659.084	3.593.399.710
2	Quỹ bổ sung thu nhập	698.766.489	996.683.740	1.145.750.089
3	Quỹ khen thưởng	302.608.523	204.051.023	180.411.023

✓

4	Quỹ phúc lợi	1.045.625.842	1.071.764.094	1.343.000.059
5	Nguồn cải cách tiền lương	414.948.156	414.948.156	210.300.809

Trường thực hiện trích lập các Quỹ từ chênh lệch thu chi dịch vụ, thu khác sau khi nộp thuế và tiền khen thưởng. Việc trích lập và sử dụng các Quỹ của Trường về cơ bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Tuy nhiên, Trường còn tồn tại việc năm 2022 chưa thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 20 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 (tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán NSNN giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương).

#### 6. Nộp thuế và các khoản phải nộp khác

*Đơn vị tính: VN đồng*

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Số phải nộp năm trước chuyển sang</b>	<b>(155.303)</b>	<b>6.034.000</b>	<b>24.304.579</b>
1	Phí phải nộp (nếu có)			
2	Thuế môn bài			
3	Thuế giá trị gia tăng	810.000		
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(965.303)	6.034.000	24.304.579
5	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)			
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp trong năm</b>	<b>7.999.303</b>	<b>22.645.579</b>	<b>21.579.318</b>
1	Phí phải nộp (nếu có)			
2	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	1.000.000
3	Thuế giá trị gia tăng			
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.999.303	18.270.579	19.281.818
5	Thuế thu nhập cá nhân		3.375.000	1.297.500

6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)			
<b>III</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>1.810.000</b>	<b>4.375.000</b>	<b>12.297.500</b>
1	Phí phải nộp (nếu có)			
2	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	1.000.000
3	Thuế giá trị gia tăng			
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	810.000	-	10.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân		3.375.000	1.297.500
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)			
<b>IV</b>	<b>Số phải nộp chuyển năm sau</b>	<b>6.034.000</b>	<b>24.304.579</b>	<b>33.586.397</b>
1	Phí phải nộp (nếu có)	-	-	-
2	Thuế môn bài	-	-	-
3	Thuế giá trị gia tăng	810.000	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.224.000	24.304.579	33.586.397
5	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6	Các khoản phải nộp khác	-	-	-

Trường đã thực hiện hạch toán các loại thuế: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân trên hệ thống sổ sách kế toán và thực hiện nộp thuế theo quy định.

### **7. Việc chấp hành pháp luật về sổ sách, biểu mẫu, chứng từ kế toán**

Công tác kế toán của Trường đã được tin học hóa; hệ thống sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ; chứng từ kế toán được lưu trữ gọn gàng, ngăn nắp. Các báo cáo, biểu mẫu quyết toán năm chi tiết từng nguồn kinh phí theo biểu mẫu và thực hiện công tác khóa sổ cuối năm theo quy định.

Trường đã thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt và đối chiếu số dư tiền gửi với Kho bạc Nhà nước. Tuy nhiên, còn tồn tại về chứng từ kế toán: Người được cử đi công tác còn thiếu đề xuất của Phòng, Khoa và phê duyệt của Lãnh đạo Trường.

### **8. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công, công nợ**

#### **8.1. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công**

##### **8.1.1. Việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công:**

Đến thời điểm thanh tra, Trường đã xây dựng Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 106/QĐ- TCXTVN ngày 26/7/2023 theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công). Khi xây dựng Quy chế đã xin ý kiến các phòng, khoa, đơn vị thuộc Trường. Sau khi ban hành đã gửi đến các đơn vị thuộc Trường để công khai đến toàn thể cán bộ, giảng viên, người lao động thực hiện.

### 8.1.2. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản công:

Trường thực hiện theo quy trình: hằng năm, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công đề xuất nhu cầu sửa chữa, bảo trì, thay thế và nâng cấp tài sản công với Phòng Hành chính, Tổng hợp. Căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các phòng, Phòng Hành chính, Tổng hợp lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản trình Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ dự toán đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Hành chính, Tổng hợp tiến hành các thủ tục mua sắm, sửa chữa tài sản. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và đã được Trường cụ thể hóa trong Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công (ban hành theo Quyết định số 106/QĐ-TSC ngày 26/7/2023).

### 8.1.3. Việc lập, quản lý hồ sơ tài sản, kiểm kê, đánh giá tài sản hàng năm, thanh lý tài sản công:

Trường đã mở sổ theo dõi chi tiết tài sản cố định, lập báo cáo theo biểu mẫu, phản ánh theo dõi ghi tăng các loại tài sản cố định, cuối năm đã lập bảng tính hao mòn tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

Năm 2021, 2022, Trường không tăng tài sản. Năm 2023, tăng 114.250.450 đồng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Trong đó, tăng vật kiến trúc 86.650.450 đồng gồm: Công suất, hàng rào 46.650.450 đồng; Nhà để xe sinh viên 40.000.000 đồng và tài sản cố định khác bàn ghế ngồi làm việc, bàn tiếp khách 27.600.000 đồng.

Cụ thể:

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nguyên giá	235.194.443.693	235.194.443.693	235.308.694.143
	- TSCĐ hữu hình	198.710.478.343	198.710.478.343	198.824.728.793
	- TSCĐ vô hình	36.483.965.350	36.483.965.350	36.483.965.350
2	Khấu hao và hao mòn lũy kế phát sinh trong năm	16.430.605.216	16.306.423.935	15.835.304.408
3	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ hiện có	57.219.510.742	73.525.934.678	89.361.239.085
4	Giá trị còn lại	177.974.932.951	161.668.509.015	145.947.455.058

Trường đã tiến hành kiểm kê tài sản công theo Điều 40, Luật Kế toán để đánh giá chất lượng, xác nhận giá trị còn lại của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán.

Ngoài ra, Trường ban hành Quy chế thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Quyết định số 76/QĐ-TCXTKVN ngày 15/5/2024) nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, viên chức, người lao động về thực hành tiết kiệm chống lãng

phí trong lĩnh vực công tác, sử dụng kinh phí NSNN và các nguồn thu khác tài chính hợp pháp của Trường, đặc biệt là tiết kiệm chống lãng phí trong việc quản lý sử dụng tài sản công và phương tiện làm việc.

#### 8.1.4. Quản lý sử dụng nhà, đất:

- Diện tích đất được giao: 237.000 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Km số 5, đường Cam Ly, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Địa chỉ cơ sở nhà, đất: Km số 5, đường Cam Ly, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất: Chưa được cấp sổ, chỉ có quyết định giao đất.

- Các văn bản pháp lý hiện có tại đơn vị như sau:

+ Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, xây dựng Trường Trung cấp Du lịch Đà Lạt.

+ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi đất và giao cho Trường Trung cấp Du lịch Đà Lạt quản lý để xây dựng Trường.

+ Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Điều chỉnh Quyết định 868/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 và Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 17/4/2009.

+ Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/2000 do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19 tháng 07 năm 2007; xác nhận Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng: 26,7 ha.

- Đến thời điểm hiện tại: Hiện nay Trường đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Về nhà ở và các vật kiến trúc: Trường hiện có 07 khu nhà và 02 khu ký túc xá cho sinh viên.

+ Nhà A1: Khởi công xây dựng năm 2012, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 682,5 m<sup>2</sup> (chưa sửa chữa), bố trí phòng làm việc cho khối Văn phòng và Ban Giám hiệu.

+ Nhà A2: Khởi công xây dựng năm 2012, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 1.248m<sup>2</sup>, được sửa chữa năm 2023, bố trí phòng học lý thuyết cho học sinh, sinh viên.

+ Nhà A6: Khởi công xây dựng năm 2012, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 906,9 m<sup>2</sup>, được sửa chữa năm 2023, bố trí phòng học thực hành chế biến món ăn cho học sinh, sinh viên.

+ Nhà A8: Khởi công xây dựng năm 2012, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 874,4 m<sup>2</sup>, được sửa chữa năm 2023, bố trí phòng học thực hành nhà hàng cho học sinh, sinh viên.

+ Nhà A13: Khởi công xây dựng năm 2012, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 1.659 m<sup>2</sup> (chưa sửa chữa), bố trí phòng học thực hành khách sạn cho học sinh, sinh viên, thư viện sách.

+ Nhà A14: Khởi công xây dựng năm 2014, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 702,8 m<sup>2</sup> (*chưa sửa chữa*), bố trí phòng hội thảo nhà trường, các hồ sơ quản lý khác.

+ Nhà A15: Khởi công xây dựng năm 2014, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 2.016 m<sup>2</sup> (*chưa sửa chữa*), bố trí phòng hội trường nhà trường, các hồ sơ quản lý khác.

+ Ký túc xá (B7): Khởi công xây dựng năm 2014, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 2.016 m<sup>2</sup> (*chưa sửa chữa*), bố trí phòng ở cho học sinh, sinh viên, các hồ sơ quản lý khác.

+ Ký túc xá (B8): Khởi công xây dựng năm 2014, đưa vào sử dụng từ năm 2016, diện tích sàn xây dựng là 2.016 m<sup>2</sup> (*chưa sửa chữa*), bố trí phòng ở cho học sinh, sinh viên, các hồ sơ quản lý khác.

- Các khu nhà hiện nay đang được sử dụng để làm Khu nhà hiệu bộ, Khu giảng đường, Khu thực hành, Ký túc xá cho sinh viên... Trong thời gian qua, các khối nhà A2, A6, A8 vừa được sửa chữa chống thấm mái năm 2023-2024, không còn bị thấm dột, một số khối nhà còn lại bị dột, cần được cải tạo sửa chữa kịp thời, chống xuống cấp công trình.

#### 8.1.5. Quản lý, sử dụng xe ô tô:

Trong các năm 2021, 2022, 2023, Trường quản lý, sử dụng 02 xe ô tô: 01 xe ô tô Fotuner 7 chỗ, sản xuất năm 2010 và 01 ô tô Ford Transit 16 chỗ, sản xuất năm 2015. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Xe ô tô phục vụ công tác của Trường, được bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ quy định.

Định mức 20 lít xăng/100 km đối với xe ô tô 7 chỗ và 20 lít dầu/100 km đối với ô tô 16 chỗ. Việc thanh toán nhiên liệu xe ô tô theo thực tế chỉ số km của xe lưu hành từng đợt công tác, Phòng Hành chính, Tổng hợp theo dõi và xác nhận số km lưu hành và áp dụng định mức đảm bảo đúng quy định và tiết kiệm.

Chứng từ thanh toán nhiên liệu bao gồm: Kế hoạch công tác, Lệnh điều xe, Phiếu đề nghị thanh toán nhiên liệu có xác nhận của Trưởng đoàn công tác, Ban giám hiệu nhà trường (*Lệnh điều xe ghi nội dung đi công tác cụ thể*), hóa đơn tài chính, phiếu xuất nhiên liệu thanh toán sau khi kết thúc công tác.

Đến tháng 5/2024, Trường điều chuyển 01 xe ô tô Ford Transit 16 chỗ về Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội sử dụng theo Quyết định số 1324/QĐ-BVHTTDL ngày 16/5/2024 của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch về việc điều chuyển tài sản từ Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt sang Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội.

#### 8.1.6. Tồn tại trong việc quản lý, sử dụng nhà đất:

Về cơ bản việc quản lý, sử dụng tài sản theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên, Trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Công tác quản lý nhà, đất còn tồn tại việc sử dụng mặt bằng trong khuôn viên nhà trường như sau:

- Đối với việc Trường sử dụng 02 mặt bằng là tài sản công để làm căng tin, không có hợp đồng, không thu tiền mà chỉ thu tiền điện, tiền nước khi chưa có Đề án tài sản công được Bộ trưởng phê duyệt, cụ thể:

+ Sử dụng mặt bằng dưới tầng hầm nhà A15: Mặt bằng Trường giao cho ông Hoàng Thứ Tam là viên chức của Trường mượn từ năm 2020 đến nay để phục vụ nhu cầu ăn uống của sinh viên.

+ Sử dụng mặt bằng tại nhà lán trại cũ ở Khu B: Mặt bằng Trường giao cho ông Trần Đình Toàn là nhân viên của Trường mượn để sử dụng vào mục đích làm căng tin phục vụ nhu cầu sinh viên từ tháng 9 năm 2024.

Theo giải trình của Trường: xuất phát từ đề xuất của tập thể học sinh, sinh viên đang nội trú tại Trường, sau khi họp thống nhất toàn thể cán bộ, giáo viên, Trường tận dụng mặt bằng khu lán trại bên bờ hồ, mặt bằng dưới tầng hầm nhà A15 đang chưa sử dụng đến để cho cán bộ nhà trường (*theo Đơn đăng ký và Biên bản họp thống nhất*) tổ chức nấu ăn phục vụ cho học sinh, sinh viên. Trường chỉ thu tiền điện, nước, không thu bất cứ chi phí nào từ việc sử dụng mặt bằng trên, theo báo cáo giải trình, Trường đã chấm dứt các hoạt động này.

- Đối với việc để các hộ dân canh tác vườn cà phê trong khu đất quy hoạch dự án xây dựng khách sạn của Trường:

Theo giải trình của Trường: Do khuôn viên nhà trường tương đối rộng (23,7 ha), vị trí đất quy hoạch dự án xây dựng khách sạn trường, hiện trạng là rừng thông bao phủ. Năm 2020, sau khi đi kiểm tra thì phát hiện hộ dân đang canh tác cây cà phê trên diện tích khoảng 2.000 m<sup>2</sup>, nhà trường đã lập biên bản buộc dừng canh tác và tập hợp hồ sơ liên quan đến công tác đền bù, làm việc với chính quyền địa phương từ cấp phường đến cấp thành phố và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Lạt. Kết luận của chính quyền địa phương, cơ quan liên quan có nêu rõ là diện tích đất đang canh tác trên là không có cơ sở để giải quyết theo yêu cầu của hộ dân (*kèm theo Biên bản họp*). Tuy nhiên, để thực hiện việc giải tỏa vườn cà phê, chấm dứt việc canh tác trên đất đối với hộ dân, về quy trình thủ tục hồ sơ xử lý nhà trường chưa rõ, nên hiện nay đang làm việc với chính quyền địa phương để được phối hợp và hướng dẫn thủ tục xử lý theo đúng quy định để sớm xử lý dứt điểm tình trạng này.

- Đối với việc để tồn tại nhà tiền chế bằng tôn trên khu đất sân tập lái của Trung tâm Dịch vụ và Đào tạo lái xe liên quan đến việc sử dụng khoảng 10.996 m<sup>2</sup> đất của Trường liên kết với Công ty TNHH Thành Thắng Đà Lạt đầu tư làm Trung tâm dịch vụ và Đào tạo lái xe khi chưa có Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Theo giải trình của Trường: Tại thời điểm thanh tra, trên khuôn viên đất sân tập lái của Trung tâm Dịch vụ và Đào tạo lái xe thuộc Trường đang tồn tại nhà tiền chế bằng tôn do Trung tâm có nhu cầu liên kết đầu tư sân lái xe tự xây dựng. Trường đã yêu cầu dừng thực hiện nhưng Trung tâm chưa tháo dỡ. Đến nay khu nhà tiền chế này đã xuống cấp và không sử dụng.

Kết luận số 08/KL-TTr ngày 20/4/2022 của Thanh tra Bộ đã kết luận "Trong quá trình đang thực hiện xây dựng đề án, Công ty TNHH Thành Thắng Đà Lạt đã tiến hành thi công một số hạng mục trong khuôn viên đất do Trường

CĐDLĐL quản lý, mặc dù ngày 06/4/2021, Trường đã có Biên bản tạm dừng thi công, nhưng việc để cho đơn vị ngoài vào thi công trong khuôn viên đất của Trường là buông lỏng quản lý, trách nhiệm thuộc về Tập thể Lãnh đạo Trường” và yêu cầu Trường khẩn trương hoàn thiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên kết đầu tư Trung tâm dịch vụ và Đào tạo lái xe của Trường; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đến thời điểm này, Trường chưa thực hiện hoàn thiện Đề án, chưa xử lý được các hạng mục công trình xây dựng do Công ty TNHH Thành Thắng Đà Lạt thực hiện.

- Đối với việc để tồn tại nhà ở của ông Trần Đình Toàn, nhân viên của Trường trong khuôn viên đất nhà trường:

Theo giải trình của Trường: Tại thời điểm thanh tra, Trường để ông Trần Đình Toàn xây dựng lán nhà tạm và đưa vợ con vào sinh sống trên đất của Trường. Trường đã làm việc với ông Toàn và yêu cầu ông nghiêm túc thực hiện việc hoàn trả mặt bằng nguyên trạng. Tuy nhiên, đến nay, ông Toàn vẫn chưa thực hiện, qua nhiều lần làm việc, ông Toàn xin gia hạn thời gian để sắp xếp thuê nhà bên ngoài, sau đó sẽ di dời gia đình ra ngoài ở và sẽ hoàn trả mặt bằng cho Trường. Tuy nhiên, đến nay ông Toàn chưa phá dỡ, di dời và bàn giao lại mặt bằng cho Trường.

Kết luận số 08/KL-TTr ngày 20/4/2022 của Thanh tra Bộ đã kết luận “Mặc dù có đơn xin nhưng việc ông Toàn dựng nhà trên khuôn viên đất của Trường để ở là trái quy định”, đã chỉ rõ trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Trường thời điểm ông Toàn dựng nhà trái phép.

#### *8.2. Đối với việc theo dõi quản lý, xử lý các khoản công nợ*

Các khoản nợ phải thu, tạm ứng, Trường đã thực hiện theo dõi và quản lý chi tiết theo từng đối tượng cụ thể trên sổ kế toán. Cuối năm Trường đã thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ với từng đối tượng.

Cuối năm tài chính 2021, 2022, 2023, Trường không có công nợ của tổ chức, cá nhân. Thủ tục tạm ứng, hoàn ứng được thực hiện theo trình tự: Giấy đề nghị tạm ứng, Phiếu chi tạm ứng khi hoàn thành công việc kế toán ra Phiếu thu tạm ứng nộp tiền và quỹ cuối năm được đối chiếu và xác nhận công nợ.

### **III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG TIẾN HÀNH THANH TRA**

#### **1. Những mặt đã làm được**

- Trường thực hiện lập dự toán đúng thời gian quy định trên cơ sở thuyết minh tình hình thực hiện và ước thực hiện của các năm trước.

- Đã xây dựng được Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thu, chi cho các hoạt động của Trường.

- Đối với nguồn kinh phí do NSNN cấp: Trường đã thực hiện quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí NSNN cấp đảm bảo các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên trên cơ sở dự toán đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Về cơ bản, các khoản chi tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức, chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

- Các khoản thu dịch vụ và thu khác: Trường đã phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán, tính và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; phân chênh lệch thu lớn hơn chi được trích lập Quỹ phúc lợi để chi cho cán bộ, viên chức và người lao động.



- Trường đã mở sổ theo dõi chi tiết tài sản cố định, lập báo cáo theo biểu mẫu, phản ánh theo dõi ghi tăng các loại tài sản cố định, cuối năm đã lập bảng tính hao mòn tài sản cố định. Thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản hàng năm.

- Về cơ bản, Trường đã chấp hành các quy định của pháp luật về kế toán: Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo biểu mẫu quy định và thực hiện công tác khóa sổ cuối năm theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm. Chứng từ kế toán được tập hợp, phân loại và lưu trữ gọn gàng.

## 2. Một số tồn tại, thiếu sót

### 2.1. Về các khoản thu

Các hợp đồng cho thuê mặt bằng chưa quy định cụ thể về cách thu tiền điện, tiền nước hằng tháng của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng của Trường.

### 2.2. Về các khoản chi

- Chi 25% cho khối hành chính chưa đầy đủ căn cứ để chi.

- Chi tiếp khách không có đề xuất đối tượng cụ thể, mức chi chưa quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chưa nghiêm túc thực hiện thu hồi tiền theo kiến nghị về xét duyệt quyết toán tài chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Năm 2021: Xuất toán 3.800.000 đồng; năm 2022: Xuất toán 57.702.000 đồng).

### 2.3. Việc trích lập, sử dụng các Quỹ và kinh phí cải cách tiền lương

Năm 2022, Trường chưa trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 20 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

### 2.4. Việc xây dựng cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất

Các tồn tại trong công tác thiết kế, thẩm tra thiết kế đối với dự án sửa chữa, chống thấm mái khối nhà A2, A6, A8 (thiết kế phương án chống thấm tường; không chỉ dẫn vị trí đổ phế thải làm cơ sở tính toán cự ly vận chuyển). Trách nhiệm chủ yếu thuộc về các nhà thầu tư vấn Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ ACM, Công ty CP kiến trúc và tư vấn xây dựng Việt Nam.

Các tồn tại trong hồ sơ thiết kế đã phê duyệt dự án xây dựng, hoàn thiện cảnh quan lòng hồ (phương án bảo vệ lòng hồ, một số bản vẽ thiết kế thiếu chi tiết hoặc chưa phù hợp dự toán, chưa chỉ dẫn được sự cần thiết để thực hiện xây móng bằng đá chẻ thay cho đá hộc, công tác khảo sát địa chất, địa hình chưa tốt dẫn đến phải thiết kế bổ sung gia cố tường kè hồ điều hòa, dự toán chưa kèm theo căn cứ xác định giá hệ thống đèn chiếu sáng). Trách nhiệm chủ yếu thuộc về các nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Minh, Công ty TNHH Kiến trúc Lâm Đồng.

Việc phê duyệt bổ sung gia cố móng tường chắn hồ điều hòa khi chưa được thẩm định lại là chưa đúng quy định, trách nhiệm chủ yếu thuộc về nhà thầu tư vấn quản lý dự án Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long Phát.

Trường thuê các nhà thầu tư vấn để tổ chức thực hiện 02 dự án sửa chữa chống thấm mái khối nhà A2, A6, A8 và dự án xây dựng, hoàn thiện cảnh quan Trường. Để xảy ra các tồn tại trong quá trình thực hiện nêu trên có phần trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc lựa chọn các nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, việc tổ chức ký hợp đồng chưa đảm bảo thời gian giải quyết kiến nghị theo Điều 92 Luật Đấu thầu, chậm tổ chức nghiệm thu gói thầu xây dựng và hoàn thiện cảnh quan để đưa vào sử dụng là trách nhiệm của Chủ đầu tư.

#### 2.5. Về chứng từ kế toán

Người được cử đi công tác còn thiếu đề xuất của Phòng, Khoa và phê duyệt của Lãnh đạo nhà trường.

#### 2.6. Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công

Trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn tồn tại việc: chưa buộc tháo dỡ, thu hồi mặt bằng đối với nhà tạm của ông Trần Đình Toan do xây dựng trái phép trong khuôn viên Trường; để hộ dân vào trồng cà phê trái phép trên đất của Trường; Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

#### 1. Đối với Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt

##### 1.1. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công

##### a) Công tác quản lý tài chính

- Có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, thiếu sót như đã nêu tại Mục 2, Phần III. Sử dụng các nguồn kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác tài chính. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về quản lý tài chính, quản lý, sử dụng tài sản công.

- Thực hiện rà soát, cập nhật, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ theo các quy định của pháp luật để làm cơ sở thực hiện.

- Kiểm soát chứng từ thanh toán, đảm bảo đúng, đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trích lập các Quỹ theo trình tự và tỷ lệ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

- Chấp hành đầy đủ các quy định việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

##### b) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Chấp hành nghiêm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, các văn bản hướng dẫn, thi hành. Khẩn trương hoàn thiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Tiến hành làm các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thực hiện ngay việc buộc tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng nhà tạm để ở của ông Trần Đình Toan; rà soát ngay toàn bộ hồ sơ liên quan công tác đền bù giải phóng mặt bằng, làm việc với chính quyền địa phương để thực hiện xử lý dứt điểm việc hộ dân đang trồng cà phê trong khuôn viên Trường theo quy định pháp

luật, báo cáo kết quả đến Lãnh đạo Bộ (qua Vụ Kế hoạch, Tài chính) trước ngày 01/6/2025.

c) Việc cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất

- Đối với các nhà thầu tư vấn (Công ty CP đầu tư xây dựng và công nghệ ACM, Công ty CP kiến trúc và tư vấn xây dựng Việt Nam, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Minh, Công ty TNHH Kiến trúc Lâm Đồng, Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long Phát), căn cứ các điều khoản hợp đồng tư vấn đã ký, Trường tiến hành làm việc với các nhà thầu tư vấn để xác định nghĩa vụ nhà thầu đối với chất lượng sản phẩm tư vấn khi để xảy ra các tồn tại được nêu tại điểm 2.4 Mục III.

- Đối với gói thầu xây dựng và hoàn thiện cảnh quan Trường: hoàn thiện bản vẽ hoàn công, lập quyết toán A-B, xử lý dứt điểm các tồn tại của gói thầu xây dựng công trình, báo cáo cơ quan chuyên môn để tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng trước ngày 15/4/2025.

### 1.2. Xử lý hành chính

Hiệu trưởng, Tập thể Lãnh đạo Trường, tập thể và các cá nhân có liên quan thuộc Trường nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm về những tồn tại, thiếu sót như đã nêu tại mục 2 Phần III tại Kết luận này.

### 2. Đối với Vụ Kế hoạch, Tài chính

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, quản lý và sử dụng tài sản công của Trường.

- Tiếp tục hướng dẫn, tổ chức thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết của Trường theo quy định.

- Tăng cường công tác thẩm định đối với dự án lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đặc biệt lưu ý điểm c, đ Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014.

Trên đây là Kết luận việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính; quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo, mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt. Đề nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung trong Kết luận này./.

### Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
  - Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy (để báo cáo);
  - Thứ trưởng Tạ Quang Đông (để báo cáo);
  - Ban Nội chính Trung ương (để báo cáo);
  - Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
  - Vụ Kế hoạch, Tài chính (để phối hợp);
  - Trường CĐ Du lịch Đà Lạt (để thực hiện);
  - Lưu: TTr, Hồ sơ Đoàn TTr, CTr.10.
- Được phép sao chụp sau khi giải Mật.

**CHÁNH THANH TRA**



*Mr.ameuuu*

**Lê Thanh Liêm**

